

Khi ngòi y sì đòng y chèn mòch hay bòt mòch đò đòn nhònh bònh cho thèy phòn òm hay dòng bò
khiòm khuyòt đò còn đòu chèn lòi



Theo quan điểm tày y, cò bòn nhòm dinh dòng cò bòn giùp cò thèy con ngòi bòi bò cho sòc khèe gòm nòu c, chèt đòng (carbo-hydrates), chèt bòo (fats) và chèt đòm (proteins). Song song vòi bòn chèt còn bòn chènh yòu giùp con ngòi tòn tòi thè nhòng chèt bò phò giùp cho sòc khèe (health supplements) dòng i hai dòng sinh tò (vitamins) và khoáng chèt (minerals). Y khoa tày y chèu trong vòo sòl phân tòich đò cho thèy cò thèy thiòu hòt hay thèy dò chèt nòo đò đòu chèn cho nhu còu còa cò th?

Bòng phòn dòn nhòp trèn, ta hày quay vòi vòi cách trè bònh cò đòn còa ông bà chèung ta xa xòa tò ngòn nòm vòi trè c xèt xem quan niòm y hòc giùp hòt tòn tòi nhò thè nòo. Theo y khoa đòng y dòa trèn còn bòn òm dòng ngòu hòanh, viòc bòi bò đòng c hiòu qua hai khèa còn bòn là bò òm hay bò dòng. Khi ngòi y sì đòng y chèn mòch hay bòt mòch đò đòn nhònh bònh cho thèy phòn òm hay dòng bò khiòm khuyòt đò còn đòu chèn lòi.

Nòu chèn dòng hò hay dòng khèu hòt thè nòng lòng ho>t đòng còn đòu chèn hay bòi bò lòi cho thèch hòp.

Còn thuòc bò òm đòng c cho khi sò chèn mòch cho thèy chèng òm hò. Thòng thèng khi bò huyòt cò tòc dòng òm tònh cho sò bò òm.

Đòng y còn chia ra 2 loòi bò cho cò thèy con ngòi nhò bò khè và bò mòu.

* Thủ Nào là Bùi Khí và Bùi Huyệt ?

I) Bùi Khí:

Thuốc bùi khí hay nôm na là bùi hàn (energy) có tác dụng bùi bùi chèc năng các tạng phổi đỡ bùi suy yếu hay làm cho cơ thể suy nhược. Người y sĩ phổi đón nhận xem cơ quan nào bùi hàn nhạy cảm, phổi, thận hay thận, thì loài thuốc thích ứng sẽ điều trị bùi hay ra toa.

Y khoa đông y dà a trên căn bản tạng hàn nhiệt liên hoàn tiếp dinh và hàn tạng nhau, nên sẽ giúp rất cần thiết khi người y sĩ có kinh nghiệm ra toa.

Bài viết này xin chia sẻ nhanh trong số giới hạn một số chia sẻ bùi khí thông dụng nhất sau:

1) Sâm Hoa Kì (Radix Panacis Quinquefolii):

Loài sâm này có nhuộm màu vàng bùi Mông châu, đặc biệt ở tiểu bang Wisconsin. Dược chất chủ yếu là saponin và panaquilon. Sâm này có vị ngọt, hàn ngọt và mang tính hàn. Khi vào cơ thể nó qui vào các kinh tâm, phổi và thận.

Sâm Hoa Kì được dùng chữa mệt mỏi, tăng cường sinh lực, tác dụng tốt cho sâm Hoa Kì là điều hòa nhịp tim và trung khu thận kinh hàn, có tác dụng nhuận thuốc an thần.

2) Đỗng Sâm (Radix Codonopsis Pilosulae):

Đỗng sâm có nhuộm màu nâu đòn bùi Trung Quốc và vùng Cao Bằng của Việt Nam. Dược chất chủ yếu là saponin, alkaloid, sucrose, glucose và insulin. Đỗng sâm có vị ngọt. Khi vào cơ thể sẽ qui vào các kinh thận và phổi.

Đông sâm đặc dùng để chữa mệt mỏi, gia tăng hormone insulin nhằm tăng bù ch huyệt cung, giúp sỏi cholecystitis bao tử do acetic acid, làm dãn mạch máu tim làm giảm áp huyết. Ngoài ra đông sâm còn có công dụng hỗ trợ điều trị viêm đường tràng.

3) Hoàng Kỳ (Radix Astragali):

Hoàng kỳ còn có tên khác là Bồ cát kỳ, mang tính ôn và vị ngọt. Hoàng kỳ ngày nay đặc phái thông hóa trong thời trang đặc thù Hoa Kỳ vì đặc tính cho công dụng hữu ích và đem lại tác dụng hiệu quả của nó. Phân tích các nguyên tố trong hoàng kỳ nêu trên có folic acid, choline, selenium, calcium, sắt, phosphorus, magnesium,...

Hoàng kỳ có công dụng tăng cường hormone insulin nhằm cho cơ thể phòng chống bệnh béo phì. Hoàng kỳ còn làm gia tăng sự chuyển hóa các hóa chất xúc tác (metabolism) nuôi dưỡng các tế bào trong cơ thể. Hoàng kỳ có công dụng kháng sinh, chống viêm thận. Hoàng kỳ còn đặc biệt dùng như chất lợi tiểu, làm giảm huyết áp và làm giãn nở mạch co thắt của tim. Hoàng kỳ đặc biệt dùng trong y khoa đông y trị các bệnh tim mạch.

4) Linh Chi (Ganoderma Lucidii):

Linh chi vốn đặc xem như thuốc đặc biệt, linh chi mặc dù nhuộm màu á châu nhĩ Trung Quốc, Mã Lai, Miến Điện, Thái Lan, Việt Nam, Cao Ly và Nhật Bản. Linh chi có nhuộm màu nhũ đồng, đen, xanh, vàng và tím. Linh chi có tính ôn, vị ngọt, vào cơ thể qua các kinh Tâm, Can và Phế, có thành phần amino acid, protein, saponin, steroid, polysaccharid, germanium và ganoderic acid.

Linh chi có công dụng an thần, giải độc bù o vệ gan, đặc phòng hàn mẩn đờm, chống ung thư, giúp khí huyết lưu thông trong cao máu, chống xơ cứng động mạch, và rất tốt cho tim.

5) Bồ đề Truật (Rhizoma Atractylodis Macrocephalae):

Bách Truật có nickname là Trung Quốc và Việt Nam. Mang tính ôn, vui nhộn và ngọt. Vào cỗ thường qua các kinh tảo và vịnh, có các thành phần attractylon và sinh tố A. Bách truật dùng để tăng lồng bách cát u, tăng hắc thũng mỉm dãy ch, chèng viêm gan, béo vú gan, làm thắt dãn mạch máu, chèng sỏi tích tụ máu hay máu đông đặc. Bách truật đặc biệt dùng chèng ung thư. Bách truật có tác dụng lọc chất độc quanh thận tái hấp thụ nồng.

II) Bô Mäu:

Trong quan niệm y khoa đông y khi đột cung vú bỗng cũng bao hàm khái niệm lỗ c máu và tho máu hay sỏi rã i loèn máu huyệt trong cung tháo phong nỗi. Khi phong nỗi bỗng kinh nguyệt không điều hòa, bỗng rong kinh, tht kinh, hay thiều máu,... mà tht cung nguyên nhân liên quan đến máu huyệt y sĩ cung châm bunh và xác định bunh trung. Trong kho tàng dược học đông y có muôn vàn loài hoa cỏ, cỏ rau dược học hay ngũ cồn làm thuốc ăn, thuốc uống bổ máu mà bài viết này chỉ nêu lên một số dược học tiêu biểu mà thôi.

1) Đỗ Ng Qui (Radix Angelicae Sinensis):

Đồng qui đặc ngành dược thô o tây y ghi nhận có công dụng thiết thực cho các sản phẩm trong thời gian thai nghén. Ngoài Hoa đã xem dược thô o này có ngàn vạn trị liệu. Đồng qui mang tính ôn, vị cay, ngọt và vào cơ thể qua các kinh tâm, can và tạng. Các thành phần hóa học chủ yếu là sinh tố B12, folic acid, carotene, beta-sitosterol, dihydrophthalic anhydride, butylidene phthalide, sucrose,...

Đồng qui tăng sỏi co thắt tử cung, tăng sinh tử E để phòng sảy thai. Đồng qui làm dãn thành đường menses tăng lỗ u lông máu, chèng sỏi kít tử huyệt khít vòi tắc đống giöm sỏi rãin máu huyệt, chèng sỏi viêm tiếu cung, bít ống gan tử o máu và lỗ cung máu. Đồng qui giúp tăng áp huyệt đái vòi bít nh tháp áp huyệt, làm dãy nén phổi quấn giúp cho bít nh nhân ho hen vì suyễn. Đồng qui còn có tác dụng lót tiếu và tử o tác đống kháng sinh cho cổ tử.

2) Thảo Dứa (Radix Rehmanna Glutinosae Conquiae):

Thực dược là phần cùi của cây đà hoàng (*Rehmannia glutinosa* Libosch), mang tính ôn, hàn ngọt.

Tinh chất thục dà sỏi đi vào hai kinh can và thận. Thành phần hóa học gồm rehmannin, campesterol, manitol, beta-sitosterol, catalpol, stigmasterol, anginin và glucose.

Công dụng trung bình thuốc đà hoàng làm tăng lưu lượng máu, làm dãn nồng cung tim, co bóp nhĩ tim và tạo chất kháng sinh rất tốt cho hệ thống miễn dịch.

3) Hà Thủ Ô (Radix Polygoni Multiflori):

Hà thủ ô có hai loại là đà và trung. Hà thủ ô đà mang tính ôn, vị nhạt và ngọt. Thành phần hóa học có lecithin, emodin, chrysophanic acid, rhein và chrysophanic acid anthrone.

Công dụng Hà thủ ô là hỗ trợ cholesterol, chống cholesterol xơ cứng thành mạch, có tác dụng nhuộm trắng, có tác dụng kháng vi khuẩn xâm nhập cơ thể, làm cho tóc đen và chống lão hóa. Hà thủ ô trung có tác dụng đặc biệt, ngăn chặn tế bào ung thư phát triển và làm mạnh hệ thống miễn dịch.

4) Bạch Thủ Đىc (Radix Paoniae Lactiflorae):

Bạch thủ đىc là rễ cây thảo dược đắng sily khô, mang tính hàn, vị đắng và chua. Thành phần hóa học gồm paenoflorin, paeonol, paeonin, tritepenoid và sistoterol.

Công dụng nhỗn chất thuốc an thần, làm thư giãn mạch máu hỗ trợ nerving, chống sưng tích tụ của máu, chống viêm đái tràng, nhuộm trắng, bạch thủ đىc có tác dụng chống chong mạch hối trùm và dùng nhỗn chất lỏi tiêu.

5) Cây Kỷ Tôn (Fructus Lycii Chinensis):

Cây kỷ tử là quả chín màu đỏ, kích thước hạt tiêu, mang vị ngọt, tính ôn. Khi vào cơ thể tinh

chất câu kẽm sủ qua kinh can, phổi và thận. Thành phần hoá học có carotene, thiamine, riboflavin, beta-sitosterol, sinh tố C, A và linoleic acid. Công dụng của câu kẽm là bù o vú hổ thằng miến dê ch, hỗn cholesterol, làm giảm áp huyết do viêm làm dẫn nhanh thành mảng máu. Câu kẽm đặc biệt dùng chống ung thư (anti-oxidant).